

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ NHK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ NHK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHK TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NHK TECHNOLOGIES ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109749284

3. Ngày thành lập: 20/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, CT13-Sakura, KĐT Hồng Hà Eco City, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098 2222289

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
3.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
4.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
5.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
6.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
7.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
8.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
9.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
10.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
11.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
12.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
13.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và các loại hóa chất nhà nước cấm); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	4669

15.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
16.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế: Kinh doanh trang thiết bị y tế (Điều 66 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP quy định việc quản lý trang thiết bị y tế). - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác	4659(Chính)
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
20.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21.	Sản xuất điện	3511
22.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
24.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
25.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hoá; - Môi giới mua bán hàng hoá (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)	4610
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm.	4662

28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng (theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế thiết kế xây dựng (theo khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Giám sát thi công xây dựng (theo khoản 9 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Kiểm định xây dựng (theo khoản 16 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình bao gồm: Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (theo khoản 11 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Tư vấn đầu thầu (theo quy định tại Điều 113 nghị định số 63/2014/NĐ-CP).	7110
29.	Xây dựng nhà để ở	4101
30.	Xây dựng nhà không để ở	4102
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình thủy	4291
38.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
39.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
51.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
52.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
53.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...); - Dạy thể thao, cắm trại; - Dạy thể dục; - Dạy bơi; - Dạy võ thuật; - Dạy yoga.	8551
54.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính - Giáo dục kỹ năng sống (Theo thông tư 04/2014/TT-BGDĐT)	8559
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương Mại 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VŨ DŨNG	Số 798 Lê Hồng Phong, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.000.0 00	80.000.000	8,000	0310870120 92	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	8.000.0 00	80.000.000	8,000		
2	HÀ THỊ NHƯ QUỲNH	tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	46.000. 000	460.000.000	46,000	0251920002 90	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	46.000. 000	460.000.000	46,000		

3	NGUYỄN HIỀN	105B D6 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	46.000.000	460.000.000	46,000	036078008313
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	46.000.000	460.000.000	46,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 08/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036078008313

Ngày cấp: 13/12/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 105B D6 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 105B D6 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội